

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

Bê tông hóa các trục đường nội thôn trên địa bàn xã Phước Hà (Giai đoạn I) với tổng chiều dài 3.707,46m, bao gồm 26 tuyến đường thuộc 07 thôn.

Các hạng mục đầu tư bao gồm: Nền mặt đường, gia cố mái taluy, chân khay mặt đường, cống thoát nước ngang và cọc tiêu, cụ thể như sau:

Bảng thống kê các tuyến đường

Stt	Tên tuyến	Chiều dài tuyến (m)	Cấp đường	Quy mô cắt ngang (m)				Kết cấu áo đường	Công trình trên tuyến
				Bề rộng nền đường	Bề rộng mặt đường	Bề rộng lề đường			
						Gia cố	Không gia cố		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
THÔN 1									
1	Tuyến T1	318,17	C	4,00	3,50		2x0,25	KC3	Cổng bản thoát nước ngang & cọc tiêu
2	Tuyến T2	139,01	C	≤4,0	≤3,0		thay đổi	KC3	
3	Tuyến T3	147,03	C	≤4,0	≤3,6		thay đổi	KC3	
4	Tuyến T4	149,59	C	≤4,0	≤3,0	≤1,0		KC3	
5	Tuyến T4.1	29,86	C	4,00	3,00		2x0,50	KC3	
6	Tuyến T5	122,25	C	≤3,5	≤3,0	≤0,5		KC3	Chân khay mặt đường
7	Tuyến T6	117,74	C	≤4,6	≤3,0	≤1,6		KC3	
8	Tuyến T7	110,47	A	8,00	5,00		2x1,5	KC1	
9	Tuyến T7.1	139,61	A	8,00	5,00		2x1,5	KC1	
10	Tuyến T8	122,64	C	4,00	3,50		2x0,25	KC3	
11	Tuyến T8.1	116,45	C	4,00	3,50		2x0,25	KC3	Chân khay mặt đường
Cộng		1.512,82							
THÔN 2									
1	Tuyến T1	191,19	C	≤5,0	3,00	≤2,0		KC3	
2	Tuyến T1.2	67,05	C	≤5,4	3,00	≤2,4		KC3	
3	Tuyến T1.3	69,27	C	≤4,0	≤3,0	≤1,0		KC3	
4	Tuyến T3	35,69	B	6,00	3,50	2x1,25		KC2	
Cộng		363,20							
THÔN 3									

Stt	Tên tuyến	Chiều dài tuyến (m)	Cấp đường	Quy mô cắt ngang (m)				Kết cấu áo đường	Công trình trên tuyến
				Bề rộng nền đường	Bề rộng mặt đường	Bề rộng lề đường			
						Gia cố	Không gia cố		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Tuyến T1	88,00	B	≤5,7	3,50	≤2,2		KC2	
2	Tuyến T2	215,65	C	≤5,3	3,00	≤2,3		KC3	Chân khay mặt đường
3	Tuyến T3	295,68	C	≤5,4	3,00	≤2,4		KC3	Chân khay mặt đường
4	Tuyến T4	182,01	C	≤4,3	3,00	≤1,3		KC3	
Cộng		781,34							
THÔN TÂN HÀ									
1	Tuyến T1	275,70	C	4,00	3,00		2x0,50	KC3	
Cộng		275,70							
THÔN LÀ A									
1	Tuyến T1	137,00	C	≤4,1	≤4,1		thay đổi	KC3	
Cộng		137,00							
THÔN RỎ ÔN									
1	Tuyến T1	45,00	C	≤3,41	≤3,41			KC3	
2	Tuyến T2	132,60	C	4,00	3,00		2x0,50	KC3	
Cộng		177,60							
THÔN TRÀ NÔ									
1	Tuyến T1	187,00	C	4,00	3,00		2x0,50	KC3	Cống bản thoát nước ngang; Cọc tiêu & Gia cố mái taluy
2	Tuyến T2	153,00	C	4,00	3,00	0,50	≤0,5	KC3	
3	Tuyến T3	119,80	C	4,00	3,00		2x0,50	KC3	Gia cố mái taluy
Cộng		459,80							
Tổng cộng		3.707,46							

1.1. Kết cấu mặt đường

a) Kết cấu mặt đường GTNT cấp A (KC1) tính từ trên xuống như sau:

- Bê tông xi măng (BTXM) đá 1x2 M300 dày 18cm;
- Lót giấy dầu tạo phẳng và đảm bảo tầm dịch chuyển khi nhiệt độ thay đổi;
- + Đá 4x6 kẹp vữa xi măng M50 dày 15cm.

b) Kết cấu mặt đường GTNT cấp B (KC2) tính từ trên xuống như sau:

- Bê tông xi măng (BTXM) đá 1x2 M300 dày 16cm;
- Lót giấy dầu tạo phẳng và đảm bảo tẩm dịch chuyển khi nhiệt độ thay đổi;
- Đá 4x6 kẹp vừa xi măng M50 dày 12cm.

c) Kết cấu mặt đường GTNT cấp C (KC3) tính từ trên xuống như sau:

- Bê tông xi măng (BTXM) đá 1x2 M250 dày 14cm;
- Lót giấy dầu tạo phẳng và đảm bảo tẩm dịch chuyển khi nhiệt độ thay đổi;
- Đá 4x6 kẹp vừa xi măng M50 dày 10cm.

1.2. Kết cấu nền đường:

- Đối với nền đào: Đào nền đường đến đáy khuôn đường thiết kế và hoàn thiện nền hạ;

- Đối với nền đắp tại những vị trí tuyến đi qua nền đường hiện hữu: Đắp bù nền đường bằng đất CPTN bề dày thay đổi, lu lèn đầm chặt $K \geq 0,95$.

1.3. Kết cấu lề đường

- Lề đường gia cố: Kết cấu theo kết cấu mặt đường.
- Lề đường không gia cố: Đắp đất CPTN đầm chặt $K \geq 0,95$.

1.4. Công trình trên tuyến

- Chân khay mặt đường: Thiết kế trên các đoạn đắp cao, vượn đất dân,... Kết cấu bằng BTXM đá 1x2 M200; lót móng đá 4x6 dày 10cm.

- Gia cố mái taluy: Thiết kế hai đầu thượng và hạ lưu công thoát nước ngang. Kết cấu bằng BTXM đá 1x2 M200 trên lớp bạt nilon dày 3mm. Chân khay kích thước $b \times h = (0,25 \times 0,5)m$; lót móng đá 4x6 dày 10cm.

- Công thoát nước ngang: Thiết kế công bản thoát nước tại các vị trí trũng thấp, khe địa hình và hoàn trả mương đất ngang đường. Kết cấu thân công bằng BTXM đá 1x2 M250 đổ tại chỗ; kết cấu bản mặt công bằng BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ; kết cấu tường đầu, tường cánh, sân công bằng BTXM đá 1x2 M200; Lót móng công trình bằng đá 4x6 dày 10cm. Hai bên công bố trí cọc tiêu.

- Cọc tiêu: Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT. Móng công trình bằng BTXM đá 1x2 M200, lót móng công trình bằng đá 4x6 dày 10cm.

(chi tiết kèm theo hồ sơ thiết kế)

2. Thời hạn hoàn thành: 180 ngày, tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công việc.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện: 180 ngày, tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công việc.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;
3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử).
4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;
5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;
6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);
7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;
8. Yêu cầu về an toàn lao động;
9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;
10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;
11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm tập bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt.